

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 10/2025/HS-PT
Ngày 28 tháng 7 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ;

Ông Dương Tuấn Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy Tiên – Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Nguyệt H - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở, Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 207/2025/TLPT-HS ngày 24 tháng 3 năm 2025 đối với bị cáo Trương Văn S và các bị cáo khác; Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2025/HSST ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Bị cáo có kháng cáo:

1/. **Trương Văn S**, sinh ngày 01/01/1987 tại tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: Ấp Ô, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau (nay là ấp Ô, xã P, tỉnh Cà Mau); chỗ ở khác: Khóm D, thị trấn R, huyện N, tỉnh Cà Mau (nay là khóm D, xã P, tỉnh Cà Mau); nghề nghiệp: Làm biển; trình độ học vấn: 1/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn S1 (đã chết) và bà Lê Thị B (đã chết); vợ tên Lý Thị T và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 17/10/2024; bị tạm giam từ ngày 23/10/2024 đến nay.

2/. **Lương Văn H1**, sinh ngày 22/02/1988 tại tỉnh Kiên Giang (nay là tỉnh An Giang); nơi cư trú: Ấp L, xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp L, xã A tỉnh An Giang); nghề nghiệp: Làm biển; trình độ học vấn: 2/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn T1 và bà Nguyễn Thị L; vợ tên Nguyễn Thị V và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 31/10/2024; bị tạm giam từ ngày 06/11/2024 đến nay. Bị cáo có mặt

tại phiên tòa.

3/. **Mai Văn H2**, sinh ngày 01/01/1986 tại tỉnh Kiên Giang (nay là tỉnh An Giang); nơi cư trú: Tổ H, ấp F, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang (nay là tổ H, ấp F, xã Đ, tỉnh An Giang); nghề nghiệp: Làm biển; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn C và bà Lê Thị D; vợ tên Nguyễn Thị T2 và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 11/02/2025 đến ngày 18/02/2025 được thay đổi bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4/. **Trần Văn K**, sinh ngày 22/5/1990 tại tỉnh Kiên Giang (nay là tỉnh An Giang); nơi cư trú: Tổ I, ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang (nay là tổ I, ấp V, xã B, tỉnh An Giang); nghề nghiệp: Làm biển; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn L1 và bà Huỳnh Thị P; vợ tên Trần Thị Hồng T3 và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 24/10/2024; bị tạm giam từ ngày 30/10/2024 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5/. **Lê Trường G**, sinh ngày 01/01/1990 tại tỉnh Kiên Giang (nay là tỉnh An Giang); nơi cư trú: Ấp R, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp R, xã T, tỉnh An Giang); nghề nghiệp: Làm biển; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn L2 và bà Nguyễn Thị N; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 24/10/2024; bị tạm giam từ ngày 30/10/2024 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6/. **Trần Minh D1**, sinh ngày 12/01/1992 tại tỉnh Kiên Giang (nay là tỉnh An Giang); nơi cư trú: Tổ H, ấp R, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang (ấp R, xã T, tỉnh An Giang); nghề nghiệp: Làm biển; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Ú và bà Nguyễn Thị Đ; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 24/10/2024; bị tạm giam từ ngày 30/10/2024 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7/. **Mai Thành T4**, sinh ngày 13/01/1997 tại tỉnh Kiên Giang (nay là tỉnh An Giang); nơi cư trú: Số H, khu phố D, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (nay là số H, khu phố D, phường V, tỉnh An Giang); nghề nghiệp: Làm biển; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; không rõ họ tên cha, con bà Mai Thị C1; vợ tên Lê Thị Đ1 và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 01/11/2024; bị tạm giam từ ngày 07/11/2024 đến nay.

8/. **Trần Văn V1**, sinh ngày 19/6/1979 tại tỉnh Kiên Giang (nay là tỉnh An Giang); nơi cư trú: Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp V, xã B, tỉnh An Giang); nghề nghiệp: Làm biển; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn K1 và bà Ngô Thị Đ2; vợ tên Huỳnh Bích T5 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 10/11/2024; bị tạm giam từ ngày 13/11/2024 đến nay.

9/. **Nguyễn Toàn T6**, sinh ngày 05/9/1988 tại tỉnh Kiên Giang (nay là tỉnh An Giang); nơi cư trú: Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp V, xã B,

tỉnh An Giang); nghề nghiệp: Làm biển; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S2 và bà Lê Thị X; vợ tên Dương Thị Cẩm T7 và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 03/11/2024; bị tạm giam từ ngày 09/11/2024 đến nay.

10/. **Lương Văn C2**, sinh ngày 25/5/1991 tại tỉnh Kiên Giang (nay là tỉnh An Giang); nơi cư trú: Tổ G, ấp L, xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang (nay là tổ G, ấp L, xã A tỉnh An Giang); chỗ ở khác: Số E, đường L, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (nay là số E, đường L, phường R, tỉnh An Giang); nghề nghiệp: Làm biển; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn T1 và bà Nguyễn Thị L; có 02 vợ (vợ trước tên Trần Thị V2 đã ly hôn, vợ sau tên Nguyễn Tuyết N1) và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 03/11/2024; bị tạm giam từ ngày 09/11/2024 đến nay.

11/. **Võ Văn T8**, sinh ngày 14/3/1999 tại tỉnh Kiên Giang (nay là tỉnh An Giang); nơi cư trú: Tổ G, ấp L, xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang (nay là tổ G, ấp L, xã A tỉnh An Giang); nghề nghiệp: Làm biển; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn T9 và bà Nguyễn Thị H3; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 08/11/2024; bị tạm giam từ ngày 14/11/2024 đến nay.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Trần Văn K, Lê Trường G, Trần Minh D1:*
Luật sư Nguyễn Trường T10 thuộc Đoàn Luật sư thành phố C (có mặt)

(Trong vụ án, còn có các bị cáo Huỳnh Văn S3, Mai Thành T4, Trần Văn V1, Nguyễn Toàn T6, Lương Văn C2, Võ Văn T11 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, đã rút kháng cáo nên Tòa án không triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Văn S làm nghề Thuyền trưởng, thường xuyên ra biển đánh bắt thủy sản, am hiểu vùng biển, tọa độ và các thiết bị giám sát hành trình của tàu cá. Trong thời gian đánh bắt thủy hải sản trên biển, S biết có nhiều tàu cá tháo thiết bị giám sát hành trình (viết tắt VMS, hộp đen), gửi các phương tiện khác cất giữ (trong phạm vi vùng biển nước Việt Nam), sau đó điều khiển tàu ra vùng biển nước ngoài, khai thác thủy sản trái phép để không bị phát hiện.

S muốn tăng thêm thu nhập bằng cách cất giữ thiết bị giám sát hành trình của các tàu cá nên đã chuẩn bị công cụ cất giữ thiết bị giám sát hành trình gồm: 08 ống nhựa P3 (chu vi 90cm, dài 50cm), đồ xi măng bên trong ống nhựa nặng khoảng 7 kilogram; 06 khối sốp hình vuông (cao 50cm, dài 40cm); 06 bọc nilông; 05 kilogram dây (cắt thành 4 đoạn, mỗi đoạn dài 45 mét); 01 dây trắng; 03 tưng lưới ghẹ (mỗi tưng lưới ghẹ có 3 tấm lưới dài 50 mét); 04 cây tầm vòng (dài 5 mét); 4m² lưới mảnh đen (cắt làm 04 lá cờ làm biển báo); những công cụ trên Sang kết

thành 04 bộ để đựng các thiết bị giám sát hành trình thả xuống biển, tránh việc phát tín hiệu tập trung một vị trí để cơ quan chức năng phát hiện.

Đến ngày 04/9/2024, S thuê một tàu cá số hiệu CM-08710-TS, trọng tải 7,24 tấn, chiều dài 11,40 mét của ông Đặng Đức N2, (sinh năm 1971, trú khóm A, thị trấn R, huyện N, tỉnh Cà Mau), thời gian 03 tháng, giá thuê 15.000.000 đồng, ra biển câu mực, cào ghẹ. Sau đó, S liên hệ thuê Huỳnh Văn S3 cùng đi biển, lợi nhuận bán hải sản chia đôi, S lo toàn bộ chi phí đi biển. Khoảng 16 giờ, ngày 24/9/2024, S và S3 xuống tàu cá số hiệu CM-08710-TS, do S làm Thuyền trưởng, xuất bến tại cửa biển R. Khi ra biển, S thông báo sử dụng điện thoại số 0347.118.409 và 0944.102.221 cho một số ghe đi biển khác về việc S có nhận cất giữ thiết bị giám sát hành trình tàu cá, để mọi người biết liên lạc với S.

Quá trình điều tra, xác định từ ngày 25/9/2024 đến ngày 12/10/2024, S đã 05 lần nhận 09 thiết bị giám sát hành trình của 09 tàu cá khác nhau, cụ thể như sau:

+ **Lần thứ nhất:** Nhận 02 thiết bị giám sát hành trình của tàu cá KG-95776-TS và KG-95135-TS.

Ngày 17/9/2024, Lương Văn H1 là Thuyền trưởng tàu cá KG-95776-TS (tàu cái), do ông Nguyễn Văn T12 đứng tên đăng ký chủ tàu, gồm 11 thuyền viên (Nguyễn Huỳnh Đ3, Nguyễn Văn L3, Nguyễn Quốc K2 và 08 thuyền viên không nhớ tên) cùng Mai Văn H2 (sinh ngày 01/01/1986, trú tổ H, ấp F, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang) là Thuyền trưởng tàu cá KG-95135-TS (tàu đực), do bà Lê Kim L4 đứng tên đăng ký chủ tàu, gồm 04 thuyền viên (Lê Văn L5, Lê Minh Ê, Đoàn Văn L6 và 01 thuyền viên không nhớ tên). Cả 02 tàu xuất bến và trình thủ tục tại Trạm kiểm soát Biên phòng K5, tỉnh Kiên Giang để đi đánh bắt thủy sản.

Ngày 19/9/2024, H1 và H2 neo đậu 02 tàu cá (KG-95776-TS và KG-95135-TS) tại vùng biển tỉnh Cà Mau. H1 điện thoại cho S (qua số điện thoại 0944.102.221), hỏi có nhận cất giữ thiết bị giám sát hành trình tàu cá không, muốn gửi 02 thiết bị thì S đồng ý. Sau khi điện thoại cho S, H1 bàn tính với H2 tháo 02 thiết bị giám sát hành trình trên 02 tàu cá nêu trên để gửi cho S cất giữ nhằm mục đích đưa tàu cá sang vùng biển Malaysia mua dầu Diesel (do không hoá đơn và giá rẻ).

Đến khoảng 10 giờ ngày 25/09/2024, S neo đậu tàu cá CM-08710-TS, tại tọa độ 08027'N - 104058'E (Tám độ hai mươi bảy phút vĩ bắc – một trăm lẻ bốn độ năm mươi tám phút kinh đông), thuộc vùng biển tỉnh Cà Mau và sử dụng số điện thoại 0944.102.221, gọi điện cho H1 trao đổi việc gửi thiết bị giám sát hành trình. Sang ra giá giữ bằng hai phuy dầu Diesel 220 lít (trị giá khoảng 10.000.000 đồng), cung cấp tọa độ đang neo đậu để liên hệ, khi H1 chạy tàu đến thì sử dụng bộ đàm kênh D11 liên hệ với S. Khoảng 19 giờ, ngày 25/9/2024, H1 dùng bộ đàm kênh 3 – 29, liên lạc với H2, nội dung “35, làm việc đi” (tàu đực có số hiệu cuối là 35); Lúc này, H2 lấy cây vít trong hộc tủ (cabin tài công) tháo 04 con ốc vít ra, gỡ thiết bị giám sát hành trình hiệu Khánh Hội, số seri 300434066249320, (cùng với hộp gỗ bên ngoài) của tàu cá KG-95135-TS, bỏ vào bọc nilông màu trắng, cùng cây vít đưa cho một thuyền viên đi cùng (không nhớ tên); Lúc này, H1 điều khiển tàu KG-95776-TS, cặp mũi vào tàu KG-95135-TS, kêu thuyền viên Nguyễn Văn

L3: “mây soạn dây thây qua kéo đồ về”, L3 ném sợi dây bô 14li qua bên mũi tàu KG-95135-TS, thuyền viên Lê Minh Ê và thuyền viên Lê Văn L5 cột dây vào bọc nilông đựng thiết bị giám sát hành trình cho L3 kéo về để trên boong tàu KG-95776-TS. Linh lấy cây vít đưa qua cửa sổ cabin vào phòng lái, L6 cầm cây vít đưa cho H1, lúc này L6 cầm đèn pin rọi cho cho H1 tháo gỡ thiết bị giám sát hành trình hiệu Khánh Hội, số seri 300434065266550 của tàu KG-95776-TS, sau đó H1 ra ngoài leo lên nóc cabin gỡ thiết bị phát tín hiệu cho vào 03 bọc nylon, cột miệng bọc lại.

Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, H1 điều khiển tàu cá KG-95776-TS, đến tọa độ 08032’N - 105000’E (Tám độ ba mươi hai phút vĩ bắc – một trăm lẻ năm độ không phút kinh đông), cặp mũi tàu cá vào mạn bên trái tàu cá CM-08710-TS của S, thuyền viên L3 ném một đầu dây bô qua tàu cá của S, phần còn lại cột hai thiết bị giám sát hành trình hiệu Khánh Hội (số seri 300434066249320 và số seri 300434065266550) vào dây, S3 nắm đầu dây kéo hai cái bọc đựng hai thiết bị hành trình qua bên tàu Sang, sau đó H1 điều khiển tàu cá chạy đi.

Khoảng 08 giờ 00 ngày 26/09/2024, S3 sợ bị Cảnh sát biển bắt nên xin đi tàu khác vào đất liền. Do S thuyết phục S3 ở lại tàu làm cùng S một tháng, S trả thêm 5 triệu, tiền đánh lưới câu chia đôi thì S3 đồng ý ở lại.

+ **Lần thứ hai:** Nhận 02 thiết bị giám sát hành trình tàu cá KG-95566-TS và KG-95569-TS.

Ngày 14/9/2024, Trần Văn K là Thuyền trưởng tàu cá KG-95566-TS (tàu cái) và Lê Trường G là Thuyền trưởng tàu cá KG-95569-TS (tàu đực), hai tàu cá do bà Nguyễn Thị P1 đứng tên đăng ký sở hữu, neo đậu tại cửa biển R (huyện N, tỉnh Cà Mau) bán hải sản. Khoảng 09 giờ ngày 15/9/2024, K uống cà phê tại khóm A, thị trấn R, huyện N cùng một số ngư phủ khác. Lúc này, K nảy sinh ý định điều khiển tàu cá sang vùng biển Malaysia mua dầu Diesel, để đảm bảo nhiên liệu hoạt động đánh bắt trên biển và biết được thông tin Trương Văn S, có nhận giữ thiết bị giám sát hành trình tàu cá, K xin số điện thoại của S là 0347.118.409 để liên lạc.

Ngày 21/09/2024, K điều khiển tàu cá KG-95566-TS, gồm 10 thuyền viên (Trần Minh D1, Phạm Văn N3, D, Phạm Thanh H4, Lê Văn H5, Danh Quý T, Trần Hoài T13, Võ Công N4, Nguyễn Văn H6, Dương Thanh V3) và G điều khiển tàu cá KG-95569-TS gồm 02 thuyền viên (Phan Văn S4 và Phạm Văn Pha M) xuất phát ra biển khai thác thủy sản ở vùng giáp ranh với Malaysia.

Đến ngày 04/10/2024, hộp số cái sa (bộ phận quần dây cào) trên tàu cá KG 95566-TS bị hỏng. Lúc này, G đậu tàu cá KG-95569-TS tại tọa độ 07059’N - 104059’E (Bảy độ năm mươi hai phút vĩ bắc – một trăm lẻ bốn độ năm mươi chín phút kinh đông), cách cửa Rạch G1 khoảng 30 hải lý để chờ K điều khiển tàu cá KG-95566-TS vào cửa Rạch G1 sửa chữa hộp số cái sa.

Khoảng 07 giờ 00 ngày 05/10/2024, K quyết định tháo gỡ hai thiết bị giám sát hành trình trên hai tàu cá KG-95566-TS và tàu cá KG-95569-TS đang neo đậu tại cửa R. K sử dụng số điện thoại 0888.284.894 gọi điện vào số 0347.118.409 của S, nội dung: “anh S ơi, em tính gửi hai cái hộp đen (thiết bị giám sát hành trình tàu

cá qua bên tàu anh để em đi xuống “dưới” lấy dầu, anh có nhận được không?”, S trả lời: “được” và ra giá: “trả anh một phuy dầu với năm mươi triệu gì cũng được”, K đồng ý, hẹn gặp tại tọa độ 08001’368’’N - 105003’852’’E (Tám độ một phút ba trăm sáu mươi tám giây vĩ bắc – một trăm lẻ năm độ ba phút tám trăm năm mươi hai giây kinh đông).

Đến khoảng 16 giờ 00 phút ngày 05/10/2024, K điều khiển tàu cá KG-95566-TS xuất bến qua Trạm kiểm soát Biên phòng R. Khoảng 23 giờ cùng ngày, K chạy đến tàu KG-95569-TS của G đang đậu chờ; K dùng bộ đàm Kênh F, kêu G: “Giang ơi, mày leo lên gỡ cái hộp đen đưa qua cho tàu bên kia giùm”, G hỏi: “tháo chi vậy?”, K nói: “tháo để đi “xuống dưới biên” lấy dầu” thì G đồng ý. G đi lấy xà beng leo lên nóc cabin, dùng xà beng cạy thiết bị giám sát hành trình hiệu Zunibal BTK001496, bỏ vào bọc nylon màu trắng, thông báo cho K biết đã tháo xong thiết bị giám sát hành trình.

Trong lúc K nói chuyện qua bộ đàm kêu G tháo thiết bị giám sát hành trình gửi cho ghe khác để đi qua vùng biển M mua dầu Diesel. Lúc này, Trần Minh D1 đang ở trong buồng lái cabin cùng K nên nghe rõ nội dung nói chuyện, D1 hỏi K: “ủa, tháo hai cái hộp đen chi vậy anh”, K nói “tháo để gửi qua ghe khác để đi xuống dưới “biên” lấy dầu”.

Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 06/10/2024, K và G điều khiển tàu đến vị trí hẹn S tại tọa độ 08001’368’’N - 105003’852’’E (Tám độ một phút ba trăm sáu mươi tám giây vĩ bắc – một trăm lẻ năm độ ba phút tám trăm năm mươi hai giây kinh đông), K sử dụng bộ đàm Kênh D11, kêu S: “anh rề qua bên chiếc đực lấy trước đi rồi rề qua bên em”. Sang điều khiển tàu cá CM-08710-TS, chạy cặp vào tàu KG-95569-TS của G, khi hai tàu cặp gần nhau, S kêu S3: “anh út ơi, chạy ra lấy đồ dùm em”, S3 từ trong cabin đi ra, G cầm bọc đựng thiết bị giám sát hành trình hiệu Zunibal BTK001496 đưa cho S3 lấy. Cùng lúc này, K chỉ vị trí gắn thiết bị giám sát hành trình trên nóc cabin, kêu D1: “Dương ơi mày leo lên trên mày gỡ cái hộp đen đem xuống cho tao”, Dương leo lên tháo gỡ cái thiết bị giám sát hành trình nhưng không tháo được, D1 nói: “mập ơi, tháo không được rồi”, K leo lên trên nóc cabin kiểm tra, kêu D1: “mày xuống dưới hầm máy lấy cây xà beng đem lên cho tao”, K3 dùng xà beng cạy miếng ván lan can trên cabin vị trí gắn thiết bị giám sát hành trình hiệu Zunibal BTK006130 của tàu KG-95566-TS ra, đưa D1 mang xuống cabin, K dùng bộ đàm gọi G hỏi: “rồi gửi xong chưa?”, G trả lời: “gửi rồi”. K tiếp tục dùng bộ đàm kêu S: “anh S ơi rề qua đây lấy cái bên em”. S điều khiển tàu chạy cặp vào tàu KG-95566-TS, K lấy thiết bị giám sát hành trình (có dính miếng ván) đưa qua, S kêu S3: “anh út ra sau lái để lấy hơn, anh sạn đường dây, thấy qua bên mượn mấy ổng cột vô mình kéo về”, S3 ném dây qua, K cột dây vào một đầu miếng ván gắn thiết bị giám sát hành trình hiệu Zunibal BTK006130 thả từ từ cho S3 kéo về, K nói: “anh phải cho nó chạy liên tục, không được mất tín hiệu nghe”. Sau đó, K và S điều khiển hai tàu cá chạy đi, hướng về vùng biển Malaysia.

+ **Lần thứ ba:** Nhận 01 thiết bị giám sát hành trình tàu cá KG-1933-TS.

Ngày 04/10/2024, bà Phan Thị Phương D2, chủ tàu cá KG-1933-TS, gọi điện thoại cho Mai Thành T4, thuê T4 làm Thuyền trưởng (do thuyền trưởng trước

ngủ làm), bà D2 kêu T4 thuê võ chạy ra đảo H, thuộc tỉnh Kiên Giang để lái tàu KG-1933-TS. T4 cùng 02 thuyền viên Nguyễn Minh P2 và Châu T14 đi ra H, trên tàu lúc này có 03 thuyền viên gồm C3, C4 và S3. Đến ngày 11/10/2024, Tân bán hải sản cho Trương Văn S ngoài biển, lúc này T4 bàn bạc, trao đổi với S gửi thiết bị giám sát hành trình tàu cá cho S cất giữ, thỏa thuận gửi thiết bị giám sát hành trình tàu cá giá là 01 phi dầu Diesel 230 lít (trị giá khoảng 5.000.000 đồng). Khoảng 15 giờ 00 phút cùng ngày, T4 dùng điện thoại di động số 0944.001.367 gọi vào số 0347.118.409 của S hỏi gửi thiết bị giám sát hành trình tàu KG-1933-TS, S cung cấp tọa độ 08006'N - 104059'E (Tám độ không sáu phút vĩ bắc – một trăm lẻ bốn độ năm mươi chín phút kinh đông) và nói: “chùng nào anh chạy lên gần tới điểm tui cho, anh mở máy lên D11, dạng ghe câu, tui tên S”.

Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, T4 dùng vít 3 ke (dài khoảng 30cm, cán nhựa màu cam, đen) tháo hộp gỗ chứa thiết bị giám sát hành trình hiệu Khánh Hội, số seri 300434065265400 (được gắn trong phòng ngủ). Sau đó, Tân leo lên nóc cabin tháo ăngten vệ tinh, mang xuống phòng ngủ bỏ vào bọc nilông màu trắng. T4 dùng bộ đàm Kênh D11, gọi S: “anh S ơi anh neo ở đâu rồi”, S nói: “anh chạy tới thấy cái đèn màu hường là ghe của tui”. Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, T4 điều khiển tàu KG-1933-TS, chạy đến tọa độ do S nói trước đó, cập vào tàu CM-08710-TS của S. Lúc này, S kêu S3: “anh út ơi ra lấy đồ dùm em”, S3 trong cabin đi ra cửa, T4 cầm bọc nilông màu trắng (chứa thiết bị giám sát hành trình hiệu Khánh Hội, số seri 300434065265400) đưa S3, sau đó T4 điều khiển tàu cá chạy đi. Sang kiểm tra trong bọc có một thiết bị giám sát hành trình tàu cá trong hộp gỗ, sử dụng điện bình ắc quy.

+ **Lần thứ tư:** Nhận 02 thiết bị giám sát hành trình của tàu cá KG-94824-TS và KG-90873-TS.

Ngày 24/9/2024, Nguyễn Toàn T6 là Thuyền trưởng tàu cá số hiệu KG-94824-TS (tàu cái) và Trần Văn V1 là Thuyền trưởng tàu cá số KG-90873-TS (tàu đực), cả 02 tàu neo đậu tại Trạm kiểm soát biên phòng R. Lúc này, T6 gặp Trương Văn S nói chuyện, T6 hỏi S: “có nhận giữ thiết bị giám sát hành trình không?”, S nói: “ừ, khi nào gửi thì liên lạc qua số điện thoại, nếu không gọi được thì điện đàm qua kênh D11”.

Ngày 09/10/2024, T6 sử dụng số điện thoại 0917.244.771 và số 0947.404.999 gọi điện vào số 0944.102.221 của S liên hệ để gửi thiết bị giám sát hành trình, S nói đang chạy tàu ra tọa độ 08006'N - 104058'E (Tám độ không sáu phút vĩ bắc – một trăm lẻ bốn độ năm mươi tám phút kinh đông), S kêu giao thiết bị giám sát hành trình tại đây thì T6 đồng ý.

Khoảng 18 giờ, ngày 11/10/2024, tàu cá KG-94824-TS do T6 làm Thuyền trưởng, trên tàu có 6 thuyền viên gồm (Trần Quang Q, Ngô Minh T15, Võ Văn H7, Huỳnh Văn M1, Đào Văn L7 và Chao Danh S5) cùng tàu cá KG-90873-TS do V1 làm Thuyền trưởng, trên tàu có 3 thuyền viên gồm (Dương Văn H8, Lê Văn Q1 và Võ Văn H7) xuất bến tại cửa biển R1, huyện N, tỉnh Cà Mau ra vùng biển tỉnh Cà Mau khai thác thủy sản.

Đến khoảng 00 giờ 30 ngày 12/10/2023, T6 điện đàm qua kênh D11 cho S hỏi: “anh S đâu rồi, mở đèn gì cho em chạy tới”, S nói: “anh bật đèn màu hường đỏ”, T6 hỏi: “giữ rồi ăn sao vậy ba”, S nói: “giữ cho người ta một cái năm triệu”, T6 nói: “ai sao tui vậy, anh em không à, tui gửi hai cái đi, một hồi chiếc 84 với chiếc 40 lên gửi cho anh một đôi nữa”. Sau đó, T6 điện đàm trên kênh E1 cho V1, kêu V1 cặp tàu cá KG-90873-TS vào tàu KG-94824-TS, kêu V1 tháo thiết bị giám sát hành trình gửi. Khi đó, T6 đi xuống hầm tàu KG-94824-TS, lấy chìa khóa 13, leo lên nóc tàu cá tháo 02 bulon thiết bị hành trình số hiệu Zunibal BTK004849, được gắn cố định vào lan can, sau khi tháo xong, T6 dùng 03 bọc nilông màu trắng để thiết bị giám sát hành trình vào bọc rồi cột lại. V1 lấy tua vít leo lên nóc tàu cá KG-90873-TS, dùng tua vít vặn 03 ốc vít tháo thiết bị giám sát hành trình số hiệu Zunibal BTK007748, được gắn cố định vào lan can nóc cabin tàu ra, sau khi tháo xong, V1 để thiết bị giám sát hành trình vào bọc nilông màu vàng và cột lại; Sau khi tháo xong thiết bị giám sát hành trình, T6 và V1 điều khiển tàu cá đến tọa độ 08004’N - 104057’E (Tám độ không bốn phút vĩ bắc – một trăm lẻ bốn độ năm mươi bảy phút kinh đông).

Đến khoảng 01 giờ 00 ngày 12/10/2024, T6 và V1 điều khiển 02 tàu cá chạy đến tọa độ 08004’N - 104057’E (Tám độ không bốn phút vĩ bắc – một trăm lẻ bốn độ năm mươi bảy phút kinh đông) gặp tàu cá CM-08710-TS của S, S thấy tàu của T6 lớn, sợ bị va chạm nên ra tín hiệu kêu T6 thả trôi tàu cá chậm chậm, S điều khiển tàu cá cặp vào. S kêu S3 ra gỡ dây neo rồi cặp vào mạn trái tàu cá KG-94824-TS. Lúc này T6 kêu thuyền viên tên Q cầm bọc nilông đựng thiết bị giám sát hành trình số hiệu Zunibal BTK004849, đi ra mạn trái tàu, S thấy thuyền viên Q đứng trên tàu cá KG-94824-TS đợi, S kêu S3: “anh S3 lấy đồ giùm em”, S3 đi ra mạn phải trước boong tàu cầm vợt lưới (bằng cây tầm vông dài khoảng 3m đến 4m) đưa sang tàu cá KG-94824-TS, Q cầm thiết bị giám sát hành trình số hiệu Zunibal BTK004849, bỏ vào vợt lưới cho S3 kéo về. Sau khi nhận được thiết bị giám sát hành trình, S3 kiểm tra thấy bên trong bọc nilông có 01 thiết bị giám sát hành trình loại tròn, sử dụng điện năng lượng mặt trời, S3 để thiết bị giám sát hành trình trên boong tàu.

Sau đó, S điều khiển tàu cá CM-08710-TS chạy lên cặp mạn phải tàu cá số KG-90873-TS, lúc này V1 lấy thiết bị giám sát hành trình số hiệu Zunibal BTK007748, đựng trong bọc nilông màu vàng đưa cho thuyền viên tên Q1 cầm ra đứng bên mạn trái trước boong tàu, S3 đứng bên phải trước boong tàu cầm vợt lưới đưa sang tàu cá KG-90873-TS, Q1 cầm bọc nilông đựng thiết bị giám sát hành trình số hiệu Zunibal BTK004849, bỏ vào trong vợt lưới cho S3 kéo về, S3 lấy thiết bị hành trình bỏ lên boong tàu rồi đi ngủ.

T6 lên bộ đàm nói với S: “em cho anh số ông già vợ em nè, nào tới tháng anh điện ông già vợ em chuyển tiền qua cho anh” (số điện thoại 0947.404.996 của ông Dương Văn H8 - cha vợ T6 để S3 liên hệ), T6 nói tiếp: “khoảng một tiếng nữa có chiếc 40 chạy lên tới” gửi hai cái hộp đen. S cho tọa độ gặp là 08006’N - 104058’E (Tám độ không sáu phút vĩ bắc – một trăm lẻ bốn độ năm mươi tám phút kinh đông), liên hệ điện đàm kênh D11, T6 lên bộ đàm Kênh D11 nói chuyện với Võ Văn T8, (sinh ngày 14/3/1999, trú Tổ G, ấp L, xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang)

là Thuyền trưởng của tàu KG-95740-TS nói: “Bốn chục tới đâu rồi, anh S đang neo ở không sáu năm mươi tám, chạy lên đó gặp ông à, ông bẹo cái đèn màu hường, ông để máy Kênh D11”, T8 trả lời: “khoảng một tiếng nữa tui mới tới”, sau đó T6 và Vị chạy tàu cá đi.

+ **Lần thứ năm:** Nhận 02 thiết bị giám sát hành trình của tàu cá KG-92984-TS và KG-95740-TS.

Ngày 25/8/2024, Lương Văn C2 là Thuyền trưởng tàu cá số KG-92984-TS (tàu cái) do ông Dương Văn H8 đứng tên đăng ký chủ tàu, tàu đang neo đậu ở cửa biển R, huyện N, tỉnh Cà Mau. Cảnh lên quán uống cà phê cùng Trương Văn S và nhiều thuyền trưởng khác. Lúc này, S nói có nhận cất giữ thiết bị giám sát hành trình tàu cá, S cung cấp số điện thoại 0347.118.409 và số 0944.102.221 để liên lạc với S.

Khoảng 19 giờ, ngày 26/8/2024, tàu cá KG-92984-TS do C2 làm Thuyền trưởng, trên tàu có 6 thuyền viên đi cùng gồm (Trần Thanh N5, Kiều Minh T16, Võ Trung N6, Nguyễn Văn Đ4, Trần Văn T17 và Hà Văn Ú1) xuất phát tại cửa biển R, huyện N, tỉnh Cà Mau để khai thác thủy sản; Đến khoảng 01 giờ ngày 27/8/2024, C2 gặp tàu cá KG-95740-TS (tàu đực) do Võ Văn T8 làm Thuyền trưởng (tàu này do ông Huỳnh Văn K4 đứng tên đăng ký chủ tàu), đang khai thác tại tọa độ 080 20'N – 1050 00'E (Tám độ hai mươi phút vĩ bắc – một trăm lẻ năm không phút kinh đông), trên tàu có 02 thuyền viên đi cùng gồm (Nguyễn Hoàng Á và Trần Văn N7). Lúc này C2 rủ T8 tháo thiết bị giám sát hành trình hai tàu cá gửi cho người khác giữ, để ra vùng biển nước ngoài khai thác thủy hải sản trái phép, T8 đồng ý.

Khoảng 23 giờ 00 ngày 11/10/2024, C2 điện bộ đàm trên Kênh D11 cho S hỏi: “anh S ơi, anh đang ở tọa độ nào cho em chạy lại gửi hai cái hộp đen”, S hẹn gặp tại tọa độ 080 04'N - 1040 58'E (Tám độ không bốn phút vĩ bắc – một trăm lẻ bốn độ năm mươi tám phút kinh đông), lúc này T8 cũng nghe được địa điểm hẹn giao thiết bị.

Đến khoảng 01 giờ 00 ngày 12/10/2024, Cảnh điều khiển tàu cá KG-92984-TS, dùng bộ đàm kêu Tụ “bốn chục, cặp lên làm công chuyện”, Tụ điều khiển tàu cá KG-95740-TS lên cặp vào, C2 từ trong phòng lái cabin ra kêu Tụ: “mày leo lên tháo cái hộp đen để một hồi chạy đi gửi”; T8 lấy một chìa khóa 10, leo lên nóc cabin, dùng chìa khóa vặn 03 con bu long gắn thiết bị giám sát hành trình hiệu Zunibal, số seri BKT008797 đang cố định lan can ra; cùng lúc này, C2 lấy cây tua vít trong phòng lái cabin, leo lên nóc cabin (tàu cái), vặn ốc vít tháo gỡ thiết bị giám sát hành trình hiệu Zunibal, số seri BKT003875, mang xuống để trong phòng lái cabin. Sau đó, T8 kêu thuyền viên tên N7 vào trong cabin tầng 1, lấy 04 cái bọc nilông trắng trong (loại bọc đựng cá mực), N7 cầm bọc nilông để T8 bỏ thiết bị giám sát hành trình Tụ kêu Nhí mang thiết bị giám sát hành trình đến hầm số 2 để. Khoảng 10 phút sau, C2 kêu Tụ qua lấy thiết bị giám sát hành trình để gửi, T8 kêu Nhí qua phòng lái cabin (tàu cái), C2 đưa cho N7 một bọc nilông màu trắng bên trong đựng 01 thiết bị giám sát hành trình mang về đưa T8. Lúc này, C2 kêu Tụ điều khiển tàu cá số KG-95740-TS: “mày chạy lại tọa độ không bốn năm mươi

tám gửi hai cái hộp đen qua đó cho tao, lên Kênh D11 đó”, T8 hỏi lại: “chạy tới đó gặp chiếc ghe gì thấy đồ qua?”, C2 trả lời: “chiếc ghe lưới”.

Tự điều khiển tàu cá KG-95740-TS chạy đi, đến khoảng 03 giờ 30 phút thì đến tọa độ 080 04’N - 1040 58’E (Tám độ không bốn phút vĩ bắc – một trăm lẻ bốn độ năm mươi tám phút kinh đông), thấy có một chiếc tàu cá (loại ghe lưới), T8 dùng điện đàm trên Kênh D11 hỏi: “anh ghe lưới bẹo cái đèn màu gì vậy?”, S nói: “cái đèn màu đỏ”. Tự kêu N7 ra lấy dây cột bọc nilông đựng 02 thiết bị giám sát hành trình số hiệu Zunibal, số seri BKT008797 và Zunibal, số seri BKT003875, Nhí ném dây qua tàu CM-08710-TS, S kêu S3 ra sau lái tàu, Nhí ném một đầu sợi dây qua, S3 nắm dây kéo bọc nilông đựng hai thiết bị giám sát hành trình về tàu CM-08710-TS của S. Sau đó, T8 điều khiển tàu chạy về vị trí tàu cá đang neo đậu.

Đến 04 giờ ngày 17/10/2024, Bộ đã bắt quả tang Trương Văn S, kiểm tra trên tàu cá CM-08710-TS đang cất giữ 09 thiết bị giám sát hành trình của các tàu cá khác như nêu trên, tiến hành lập biên bản và chuyển giao hồ sơ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N theo quy định.

Sau khi hay tin S đã bị Cảnh sát Biển bắt về hành vi cất giữ thiết bị giám sát hành trình, lần lượt từ ngày 29/10/2024 đến ngày 01/11/2024 tất cả các bị can còn lại đưa tàu đến Đồn Biên phòng R2, huyện N trình diện.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2025/HS-ST ngày 19 tháng 02 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã quyết định:

1. Về trách nhiệm hình sự:

1.1. Căn cứ điểm đ khoản 3 Điều 287; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; áp dụng thêm khoản 4 Điều 287 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trương Văn S; áp dụng thêm điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo S và bị cáo Huỳnh Văn S3; áp dụng thêm Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo S3, Lương Văn H1, Mai Văn H2, Trần Văn K, Lê Trường G và Trần Minh D1,

1.1.1. Tuyên bố các bị cáo Trương Văn S, Huỳnh Văn S3, Lương Văn H1, Mai Văn H2, Trần Văn K, Lê Trường G và Trần Minh D1 phạm tội “Gây rối loạn hoạt động của phương tiện điện tử”;

1.1.2. Mức hình phạt:

- Phạt bị cáo Trương Văn S 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 17/10/2024. Phạt bổ sung bị cáo 40.000.000 (bốn mươi) triệu đồng;

- Phạt bị cáo Huỳnh Văn S3 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 13/02/2025;

- Phạt bị cáo Lương Văn H1 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 31/10/2024;

- Phạt bị cáo Mai Văn H2 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian bị tạm giam từ ngày 11/02/2025 đến ngày 18/02/2025;

- Phạt bị cáo Trần Văn K 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 24/10/2024;

- Phạt bị cáo Lê Trường G 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 24/10/2024;

- Phạt bị cáo Trần Minh D1 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 24/10/2024;

1.2. Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 287; khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự,

1.2.1. Tuyên bố các bị cáo Mai Thành T4, Nguyễn Toàn T6, Trần Văn V1, Lương Văn C2 và Võ Văn T8 phạm tội “Gây rối loạn hoạt động của phương tiện điện tử”;

1.2.2. Mức hình phạt:

- Phạt bị cáo Mai Thành T4 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 01/11/2024;

- Phạt bị cáo Nguyễn Toàn T6 04 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 03/11/2024;

- Phạt bị cáo Trần Văn V1 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 10/11/2024;

- Phạt bị cáo Lương Văn C2 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 03/11/2024;

- Phạt bị cáo Võ Văn T8 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 08/11/2024.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 26/02/2025, bị cáo Trương Văn S, Lê Trường G, Trần Minh D1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 27/02/2025, bị cáo Lương Văn H1, Trần Văn K, Nguyễn Toàn T6 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 28/02/2025, bị cáo Lương Văn C2 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 03/3/2025, bị cáo Mai Văn H2, Trần Văn V1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 04/3/2025, bị cáo Mai Thanh T18 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 05/3/2025, bị cáo Võ Văn T8 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, các bị cáo Trương Văn S, Mai Thành T4, Trần Văn V1, Nguyễn Toàn T6, Lương Văn C2, Võ Văn T8 xin rút lại toàn bộ kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Lương Văn H1, Mai Văn H2, Trần Văn K, Lê Trường G, Trần Minh D1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Các bị cáo Trương Văn S, Mai Thành T4, Trần Văn V1, Nguyễn Toàn T6, Lương Văn C2, Võ Văn T8 xin rút lại toàn bộ kháng cáo, xét thấy việc rút kháng cáo của các bị cáo là hợp lệ, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của các bị cáo nêu trên.

Về nội dung: Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội. Các bị cáo Trần Văn K, Lê Trường G, Trần Minh D1 có nộp tài liệu xác nhận đầu thú của Đoàn biên phòng T19, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính trong gia đình, tuy nhiên mức án tòa cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng đối với các bị cáo là ở mức đầu khung hình phạt, riêng bị cáo D1 được áp dụng dưới khung, như vậy là đã xem xét cho các bị cáo, phù hợp quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo.

- Luật sư Nguyễn Trường T10 bào chữa cho bị cáo Trần Minh D1: Thống nhất về tội danh và khung hình phạt. Bị cáo là người làm thuê, chỉ thực hiện hành vi theo chỉ đạo của bị cáo khác, bị cáo có vai trò thứ yếu, có xác nhận đầu thú, hoàn cảnh gia đình khó khăn, học vấn thấp nên am hiểu pháp luật hạn chế, bị cáo có bác ruột là liệt sỹ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, khoan hồng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đề nghị được xử phạt mức hình phạt thấp hơn sơ thẩm đã tuyên.

- Luật sư Nguyễn Trường T10 bào chữa cho bị cáo Trần Văn K: Thống nhất về tội danh và khung hình phạt. Bị cáo có xác nhận đầu thú của đoàn biên phòng chưa được cấp sơ thẩm xem xét, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, trình độ học vấn thấp nên am hiểu pháp luật hạn chế, bà nội của bị cáo có huân chương kháng chiến hạng nhất, tại cấp phúc thẩm, nộp thêm tình tiết bác họ của bị cáo có huân chương kháng chiến hạng 3, bị cáo có xác nhận của chính quyền địa phương về việc chấp hành nghiêm các đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, quy định của địa phương, bị cáo có con nhỏ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, khoan hồng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đề nghị được xử phạt mức hình phạt thấp hơn sơ thẩm đã tuyên.

- Luật sư Nguyễn Trường T10 bào chữa cho bị cáo Lê Trường G: Thống nhất về tội danh và khung hình phạt. Bị cáo được Đoàn biên phòng T19 xác nhận là đầu thú nhưng chưa được sơ thẩm xem xét, bị cáo có nhân thân tốt, ăn năn hối cải, bị cáo có xác nhận của chính quyền địa phương về việc chấp hành nghiêm các đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, quy định của địa phương, bị cáo là lao động chính, đang phụng dưỡng cha mẹ già, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, khoan hồng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đề nghị được xử phạt mức hình phạt thấp hơn sơ thẩm đã tuyên.

- Bị cáo Lương Văn H1 trình bày: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, cha mẹ già, 3 con nhỏ, vợ của bị cáo mới sinh không đi làm được.

- Bị cáo Mai Văn H2 trình bày: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt do bị cáo đang nuôi con nhỏ và bị cáo đang bị bệnh tai biến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của các bị cáo Lương Văn H1, Mai Văn H2, Trần Văn K, Lê Trường G, Trần Minh D1 nằm trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Đơn xin rút kháng cáo của các bị cáo Trương Văn S, Mai Thành T4, Trần Văn V1, Nguyễn Toàn T6, Lương Văn C2, Võ Văn T8 hợp lệ. Việc rút kháng cáo của các bị cáo là tự nguyện, không trái với quy định pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 342 Bộ luật tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của các bị cáo Trương Văn S, Mai Thành T4, Trần Văn V1, Nguyễn Toàn T6, Lương Văn C2, Võ Văn T8.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở kết luận:

Để có thêm thu nhập ngoài việc đánh bắt thủy sản, Trương Văn S câu kết với các bị cáo Lương Văn H1, Trần Văn K, Nguyễn Toàn T6, Lương Văn C2, là Thuyền trưởng của các tàu cá và Mai Thành T4 (Thuyền trưởng tàu đơn) thực hiện việc tháo gỡ thiết bị giám sát hành trình để điều khiển tàu khai thác cá ở vùng biển nước ngoài và mua nhiên liệu mà không bị phát hiện. Sau khi thống nhất thỏa thuận, các bị cáo là Thuyền trưởng các tàu cá đã bàn bạc, chỉ đạo cho các bị cáo là Thuyền trưởng các tàu đực, gồm: Mai Văn H2, Lê Trường G, Trần Văn V1, Võ Văn T8 và thuyền viên Trần Minh D1 tháo gỡ thiết bị giám sát hành trình trên các tàu cá do các bị cáo là Thuyền trưởng, gửi bị cáo S cất giữ. Trong đó:

Bị cáo Trương Văn S cùng với Huỳnh Văn S3 nhận 09 thiết bị giám sát hành trình của 09 tàu cá; tổng thời gian cất giữ là 1.152 giờ 30 phút.

Bị cáo Lương Văn H1 thực hiện hành vi tháo gỡ thiết bị giám sát hành trình số hiệu “Khánh Hội, sêri 300434065266550” của tàu cá KG 95776 – TS; Bị cáo Mai Văn H2 thực hiện hành vi tháo gỡ thiết bị giám sát hành trình số hiệu “Khánh Hội, sêri 300434066249320” của tàu cá KG 95135 – TS; tổng thời gian mỗi bị cáo tháo gỡ thiết bị giám sát hành trình là 21 ngày 09 giờ, tương đương 513 giờ.

Bị cáo Trần Văn K tháo gỡ thiết bị giám sát hành trình số hiệu “Zunibal, sêri BTK006130” của tàu cá KG 95566 – TS; Bị cáo Lê Trường G tháo gỡ thiết bị giám sát hành trình số hiệu “Zunibal, sêri BTK001496” của tàu cá KG 95569 – TS; bị cáo Trần Minh D1 tháo gỡ thiết bị giám sát hành trình số hiệu “Zunibal, sêri BTK006130” của tàu cá KG 95566 – TS; tổng thời gian mỗi bị cáo tháo gỡ thiết bị giám sát hành trình là 11 ngày 05 giờ, tương đương 269 giờ;

Tại Công văn số 3308/SNNPTNT-TTĐKTC, ngày 04/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh K về việc cung cấp thông tin liên quan hoạt động vận hành hệ thống giám sát tàu cá, thể hiện: “Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 44 Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ: Việc tháo gỡ, gửi và lưu giữ thiết bị giám sát hành trình tàu cá đã làm cho đơn vị quản lý hệ thống (Trung tâm Đăng kiểm tàu cá trực thuộc Sở N) không thể giám sát hoạt động của các tàu cá sau khi thiết bị bị tháo rời khỏi tàu. Điều này đã gây gián đoạn trong việc xác định vị trí tàu cá theo thời gian thực và làm cho cơ sở dữ liệu trên hệ thống không đảm bảo đúng quy định”.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Lương Văn H1, Mai Văn H2, Trần Văn K, Lê Trường G và Trần Minh D1 phạm tội “Gây rối loạn hoạt động của phương tiện điện tử” theo điểm đ khoản 3 Điều 287 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2.2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây rối loạn, gián đoạn hoạt động của thiết bị giám sát hành trình tàu cá trên vùng biển, xâm phạm trực tiếp sự quản lý, giám sát, điều hành của cơ quan quản lý Nhà nước về lĩnh vực khai thác thủy sản. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt phù hợp để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo như: đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; kiến thức pháp luật hạn chế do trình độ học vấn thấp; các bị cáo H1, H2, K, G, D1 có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo D1 là người làm công, lệ thuộc, thực hiện hành vi theo chỉ đạo của bị cáo K; các bị cáo H2, G là Thuyền trưởng tàu đực, thực hiện việc tháo gỡ thiết bị giám sát hành trình của tàu đực theo sự chỉ đạo của các Thuyền trưởng tàu cái; bị cáo H1 là lao động chính trong gia đình; các bị cáo H1, K, D1 có thân nhân có công với cách mạng. Trên cơ sở đánh giá tính chất hành vi phạm tội, vai trò của từng bị cáo, áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo H1 08 năm 06 tháng tù, bị cáo H2 08 năm tù, bị cáo K 07 năm 06 tháng tù, bị cáo G 07 năm tù, bị cáo D1 05 năm tù là tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Các bị cáo Trần Văn K, Lê Trường G, Trần Minh D1 có nộp xác nhận của Đ5 biên phòng T về việc các bị cáo đã đầu thú, tuy nhiên mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo đã là phù hợp nên không có căn cứ xem xét.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới so với các tình tiết nêu trên nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Kháng cáo của các bị cáo không có cơ sở chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Lương Văn H1, Mai Văn H2, Trần Văn K, Lê Trường G, Trần Minh D1 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 342, điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

1/. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của các bị cáo Trương Văn S, Mai Thành T4, Trần Văn V1, Nguyễn Toàn T6, Lương Văn C2, Võ Văn T8.

2/. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lương Văn H1, Mai Văn H2, Trần Văn K, Lê Trường G, Trần Minh D1.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2025/HS-ST ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

Căn cứ điểm đ khoản 3 Điều 287; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; áp dụng thêm khoản 4 Điều 287 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trương Văn S; áp dụng thêm điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trương Văn S; áp dụng thêm Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lương Văn H1, Mai Văn H2, Trần Văn K, Lê Trường G và Trần Minh D1.

Tuyên bố các bị cáo Lương Văn H1, Mai Văn H2, Trần Văn K, Lê Trường G và Trần Minh D1 phạm tội “Gây rối loạn hoạt động của phương tiện điện tử”.

Phạt bị cáo Lương Văn H1 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 31/10/2024.

Phạt bị cáo Mai Văn H2 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian bị tạm giam từ ngày 11/02/2025 đến ngày 18/02/2025.

Phạt bị cáo Trần Văn K 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 24/10/2024.

Phạt bị cáo Lê Trường G 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 24/10/2024.

Phạt bị cáo Trần Minh D1 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 24/10/2024.

3/. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

4/. Các bị cáo Lương Văn H1, Mai Văn H2, Trần Văn K, Lê Trường G, Trần Minh D1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại TP.HCM (1);
- TAND tỉnh Cà Mau (12);
- VKSND tỉnh Cà Mau (1);
- THADS tỉnh Cà Mau (1);
- Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau (1);
- Công an tỉnh Cà Mau (1);
- Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh Cà Mau (10);
- Bị cáo tại ngoại (1)
- Lưu VP(5), HS(2) LTTT.

Trần Thị Thu Thủy